

Bát Trang, ngày 31 tháng 5 năm 2025

**BÁO CÁO CÔNG KHAI CUỐI NĂM
NĂM HỌC 2024- 2025**

(Kèm theo QĐ số 148/ ngày 31/5/2025 của Hiệu trưởng Trường TH Bát Trang)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Bát Trang

2. Địa chỉ: Thôn Nghĩa Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, TP Hải Phòng

Điện thoại: 02253588966

Website: <https://thbattrang.anlao.edu.vn/>

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện An Lão.

4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Lịch sử hình thành: Trường Tiểu học Bát Trang nằm trên địa bàn xã Bát Trang, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Trường được thành lập từ năm 1990. Theo Quyết định số 682//QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 1990 của UBND huyện An Lão về việc tách trường PTCS thành lập trường PTCS cấp I xã Bát Trang nay là trường Tiểu học Bát Trang.

- Trường Tiểu học Bát Trang là trường công lập do UBND Huyện An Lão thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn xã Bát Trang.

- Xây dựng phát triển nhà trường các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, Thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Chu Thế Hùng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Nghĩa Trang, xã Bát Trang, huyện An Lão, TP Hải Phòng

Số điện thoại: 0982 568 719; Gmail: chuthehung@anlao.edu.vn

6. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Bát Trang được thành lập từ ngày 08/10/1990 theo Theo Quyết định số 682//QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 1990 của UBND huyện An Lão

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định (QĐ) số 5902/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 của UBND huyện An Lão Về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường Tiểu học Bát Trang nhiệm kỳ 2021- 2025 gồm 11 thành viên. Chủ tịch Hội đồng trường là đ/c Chu Thế Hùng- Bí thư chi bộ- Hiệu trưởng theo Quyết định công nhận số 6346/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của UBND huyện An Lão.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Bát Trang

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công



tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

- Trường Tiểu học Bát Trang được thành lập từ ngày 08/10/1990 theo Theo Quyết định số 682//QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 1990 của UBND huyện An Lão. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

Trường Tiểu học Bát Trang là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện An Lão, trực tiếp chỉ đạo là Phòng GD&ĐT huyện An Lão.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên, HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 32 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 38 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn đội: có 14 lớp sao nhi đồng và 10 chi đội.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			ĐH	CĐ	TC	IV	III	II	T	K	T
	Tổng số GV, CBQL và NV	39	37	1	1	0			11	25	
I	Giáo viên	35	34	1	0	0	13	17	9	25	0
1	GV văn hoá	31	30	1	0			15	7	22	
2	Ngoại ngữ	2	2				1	1	1	1	
3	Âm nhạc	0	0					0		1	
4	Mỹ Thuật	1	1					1		1	
5	GV TPT Đội	1	1					1	1		
II	Cán bộ quản lý	2	2						2		
1	Hiệu trưởng	1	1					1	1		
2	P Hiệu trưởng	1	1					1	1		
III	Nhân viên	2	1		1						
1	Kế toán- Văn thư	1	1								
2	Thư viện- Thiết bị	1			1						

IV	Bảo vệ- Lao công	3									
----	------------------	---	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Hiệu trưởng: Phòng GD&ĐT đánh giá: Tốt

- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 36 (trong đó Tốt: $10/36 = 27,8\%$; Khá $26/36 = 72,2\%$; TB: $0/35 = 0\%$).

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: $37/37 = 100\%$ trong đó BGH:02, GV: 35.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất STT	Các hạng mục công trình	Số lượng			
		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhờ, mượn tạm
1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	24	0	0	
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	0	0	
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1		0	
1.4	Phòng học bộ môn KH- công nghệ	0	0	0	
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	1	1	0	
1.6	Phòng học Ngoại ngữ	1	1	0	
1.7	Phòng học thông minh	1	1	0	
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	1	1		
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	1	1		
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	1	1		
2.5	Phòng truyền thống	1	1		
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1	1		
3.2	Phòng Y tế trường học	1	1		
3.3	Nhà kho	1	1		
3.4	Khu để xe học sinh	1	1		
3.5	Khu vệ sinh học sinh	1	1		

3.6	Phòng giáo viên	1	1		
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	0	0		
3.8	Nhà công vụ cho giáo viên	0	0		
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	1			
4.2	Sân thể dục thể thao	0			
4.3	Nhà đa năng	0			
5	Tổng diện tích đất (m²)	10.196 m ²			
6	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.000 m ²			
7	Diện tích các phòng	1.698 m ²			
7.1	Diện tích phòng học (m ²)	1350(m ²)			
7.2	Diện tích phòng Thư viện (m ²)	78 (m ²)			
7.3	Diện tích phòng Ngoại ngữ	54(m ²)			
7.4	Diện tích phòng Tin học	54(m ²)			
7.5	Phòng học thông minh	54(m ²)			
7.6	Phòng học Âm nhạc	54(m ²)			
7.7	Phòng học mỹ thuật	54(m ²)			
8	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu				
8.1	Tổng số TBDH TT hiện có theo quy				
8.1.1	Khối lớp 1	5			
8.1.2	Khối lớp 2	5			
8.1.3	Khối lớp 3	4			
8.1.4	Khối lớp 4	0			
8.1.5	Khối lớp 5	0			
8.2	Tổng số TBDH TT còn thiếu so				
8.2.1	Khối lớp 1	0			
8.2.2	Khối lớp 2	0			
8.2.3	Khối lớp 3	0			
8.2.4	Khối lớp 4	5			
8.2.5	Khối lớp 5	5			
9	Tổng số máy tính đang được sử	60			
10	Tổng số thiết bị dùng chung				
10.1	Ti vi	28			
10.2	Cát sét	0			
10.3	Máy chiếu	0			
10.4	Máy chiếu vật thể	10			
		Có	Không		
11	Nguồn nước sinh hoạt hợp VS	X			
12	Nguồn điện lưới	X			



13	Kết nối Internet	X			
14	Trang Thông tin điện tử(website)	X			
15	Tường rào	X			

* Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt sử dụng tại nhà trường năm học 2024-2025: Sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường năm học 2024- 2025: Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam: Từ lớp 1 đến lớp 5.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.
- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên. Cụ thể:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	

Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	
Kết quả: Đạt cấp độ 2				

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh: Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2025 - 2026

Đối tượng tuyển sinh:

Trẻ 6 tuổi sinh năm 2019, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Có hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) ở xã Bát Trang, huyện An Lão, TP Hải Phòng hoặc ở nơi khác đến thuê trọ tại xã Bát Trang.

Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Số lớp: 06 lớp

- Số HS: 195 học sinh

Thời gian tuyển sinh:

* Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 20/7/2025.

* Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: từ ngày 21/7/2025 đến hết ngày 24/7/2025.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
1	152	5		0	0
2	166	5		0	2
3	143	4		0	0
4	172	5		0	1
5	175	5		0	4
Tổng	808	24		1	7

**2. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp**

Tổng số HS: 808/ 24 lớp, trong đó có 7 HS khuyết tật

Hoàn thành chương trình lớp học: 805 em

Có 03 học sinh ôn lại trong hè. Toàn trường có 03 học sinh chưa HTCTLH.

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình bậc Tiểu học:
- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: Năm học 2024-2025: 175 em, trong đó có 04 HS khuyết tật học hoà nhập.
- Số lượng học sinh vào lớp 6: 175

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh Lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
A	Các khoản thu năm học 2023-2024				
I	Các khoản thu theo Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng.				
1	Dịch vụ trông xe (HS có nhu cầu)				

	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
	Mức thu (20.000 đ/HS/tháng)		0		
	Tổng số thu trong năm	66.320.000	66.320.000		
	Tổng kinh phí đc sử dụng trong năm	66.320.000	66.320.000		
	Số nộp vào KBNN hoặc Ngân hàng	66.320.000	66.320.000		
	Số chi trong năm	66.320.000	66.320.000		
	Trong đó:		0		
	Chi bảo vệ tham gia làm công tác trông coi xe 80%	53.056.000	53.056.000		
	Chi hỗ trợ CSVN 10%	6.632.000	6.632.000		
	Chi nộp thuế 10%	6.632.000	6.632.000		
	Số dư cuối năm	0	0		
2	Học thêm (HS có nhu cầu)		0		
2.1	Kỹ năng sống		0		
	Số dư năm trước chuyển sang		0		
	Mức thu K 1.2: 1 tiết / tuần K3.4.5: 2 tiết / tuần (10.000đ/tiết/HS)		0		
	Tổng số thu trong năm	392.500.000	392.500.000		
	Tổng kinh phí đc sử dụng trong năm	392.500.000	392.500.000		
	Số nộp vào KBNN hoặc Ngân hàng	392.500.000	392.500.000		
	Số chi trong năm	392.500.000	392.500.000		
	Trong đó:		0		
	Chi trả trung tâm liên kết. Chi nộp thuế, chi hỗ trợ công tác chỉ đạo, phục vụ, giáo viên chủ nhiệm, chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, cơ sở vật chất nhà trường,	392.500.000	392.500.000		
	Số dư cuối năm	0	0		
2.2	Tiếng anh tự chọn học sinh khối 1,2				
	Số dư năm trước chuyển sang				
	Mức thu 10.000đ/tiết/HS				
	Tổng số thu trong năm	92.560.000	92.560.000		
	Tổng kinh phí đc sử dụng trong năm	92.560.000	92.560.000		
	Số nộp vào KBNN hoặc Ngân hàng	92.560.000	92.560.000		
	Số chi trong năm				

	Trong đó:				
	Chi trả trung tâm liên kết, Chi nộp thuế, chi hỗ trợ công tác chỉ đạo, phục vụ, giáo viên chủ nhiệm, chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, cơ sở vật chất nhà trường,	92.560.000	92.560.000		
	Số dư cuối năm	0	0		
2.3	Tiếng anh người nước ngoài khối 1.2.3.4.5		0		
	Số dư năm trước chuyển sang				
	Mức thu (140,000đ/hs/ tháng)				
	Tổng số thu trong năm	848.785.000	848.785.000		
	Tổng kinh phí đc sử dụng trong năm	848.785.000	848.785.000		
	Số nộp vào KBNN hoặc Ngân hàng	848.785.000	848.785.000		
	Số chi trong năm	848.785.000	848.785.000		
	Trong đó:				
	Chi trả trung tâm liên kết. Chi nộp thuế, chi hỗ trợ công tác chỉ đạo, phục vụ, giáo viên chủ nhiệm, chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, cơ sở vật chất nhà trường,	848.785.000	848.785.000		
	Số dư cuối năm	0	0		
3	Quản lý ngoài giờ khối 1,2,3,4,5 (HS có nhu cầu)				
	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
	Mức thu 8.000đ/ tiết/HS		0		
	Tổng số thu trong năm				
	Tổng kinh phí đc sử dụng trong năm	944.180.000	944.180.000		
	Số nộp vào KBNN hoặc Ngân hàng	944.180.000	944.180.000		
	Số chi trong năm	944.180.000	944.180.000		
	Trong đó:				
	Chi trả giáo viên trực tiếp quản lý học sinh sau giờ học chính khóa, Chi nộp thuế, chi hỗ trợ các hoạt động chuyên môn, cơ sở vật chất nhà trường.....	944.180.000	944.180.000		
	Số dư cuối năm	0	0		

4	Bán trú (HS có nhu cầu)				
4.1	Tiền ăn bán trú				
	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
	Tổng thu	470.293.000	470.293.000		
	Tổng chi: Mua suất ăn bán trú cho HS	470.293.000	470.293.000		
	Số dư cuối năm	0	0		
4.2	Chăm sóc bán trú				
	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
	Mức thu (100,000/HS/Tháng)				
	Tổng số thu trong năm	84.639.500	84.639.500		
	Tổng kinh phí đc sử dụng trong năm	84.639.500	84.639.500		
	Số nộp vào KBNN hoặc Ngân hàng	84.639.500	84.639.500		
	Số chi trong năm	84.639.500	84.639.500		
	Trong đó:				
	Chi trả cho giáo viên trực tiếp trông trưa. Chi nộp thuế, chi hỗ trợ công tác quản lý. Phục vụ, giáo viên	84.. 639500	84.639.500		
	Số dư cuối năm	0	0		
4.3	Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú				
	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
	Tổng thu	9.000.000	9.000.000		
	Tổng chi: Thăm trải phòng ngủ bán trú....	9.000.000	9.000.000		
	Số dư cuối năm	0	0		
5	Dạy học 2 buổi/ngày (Hỗ trợ CSVC, điện nước)				
	Số dư năm trước chuyển sang	0	0		
	Tổng thu	208.980.000	208.980.000		
	Tổng chi	208.980.000	208.980.000		
	Số dư cuối năm	0	0		
6	Nước uống				
	Số dư năm trước chuyển sang	0			
	Tổng thu	69.545.000	69.545.000		
	Tổng chi nộp trả công ty mua nước uống cho HS	69.545.000	69.545.000		



	Số dư cuối năm	0	0		
II	Các khoản thu theo quy định hiện hành:		0		
1	Bảo hiểm y tế học sinh				
	Số dư năm trước chuyển sang				
	Tổng thu	714.544.740	714.544.740		
	Tổng chi: Nộp về BHXH huyện An Lão	714.544.740	714.544.740		
	Số dư cuối năm	0	0		
2	Quỹ “vòng tay bè bạn”				
	Mức thu : Quỹ được xây dựng từ việc HS quyên góp giấy vụn, phế liệu... hoặc tiết kiệm tiền ăn sáng 1000đ/tuần....				
	Số dư năm trước chuyển sang		0		
	Tổng thu	31.760.000	31.760.000		
	Tổng chi: Trong đó				
	Nộp huyện đoàn 25%	7.512.000	7.512.000		
	Tổ chức các hoạt động đội tại liên đội 75% (đại hội liên đội, các chuyên đề.....)	24.248.000	24.248.000		
	Số dư cuối năm	0	0		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.079.474.675	9.079.474.675		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.924.070.675	8.924.070.675		
	Chi thanh toán các nhân	6.525.987.035	6.525.987.035		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	753.944.636	753.944.636		
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác	1.644.139.004	1.644.139.004		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	498.569.000	498.569.000		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				



	Chi thanh toán các nhân	226.819.000	226.819.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa	83.410.000	83.410.000		
	Chi khác	5.850.000	5.850.000		

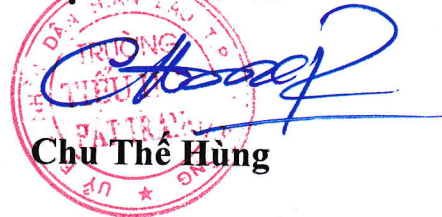
Dạy học Giáo dục Stem: 100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy Stem, cuối năm học tổ chức ngày hội Stem cấp trường và có sản phẩm tham dự ngày hội Stem cấp huyện (nếu có).

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên cuối năm học 2024- 2025 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Bát Trang.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT An Lão (Để báo cáo)
- Website của trường;
- CBGVNV (Để thực hiện)
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Chu Thế Hùng